TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 795/2025/DS-PT
Ngày 17-12-2025
Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án thụ lý số 571/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 571/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Địa chỉ: Số D, Đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Võ Minh T, nhân viên xử lý nợ, địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, D, Đường C, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số 1214/UQ-QLN.24 ngày 06/8/2024 và văn bản ủy quyền lại số 1561/UQ-QLN. ngày 07/11/2025).

- *Bị đơn*:

1. Bà Lý Thị Minh N, sinh năm 1967.

2. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số A, Đường P, Khu phố F, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Văn D: bà Lý Thị Minh N.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/8/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Đặng Lý Tiểu D1, sinh năm 1996, địa chỉ: Số A, Đường P, Khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 01 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á do ông Nguyễn Đình L, ông Đào Dương Minh H đại diện trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có cho bà Lý Thị Minh N, ông Đặng Văn D vay theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng thứ nhất: ngày 12/7/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á với bà Lý Thị Minh N, ông Đặng Văn D có ký 01 hợp đồng tín dụng số LVS.CN.2083.050723, theo đó Ngân hàng cho bà N, ông D vay số tiền 7.000.000.000 đồng. Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng giải ngân cho bà N, ông D 3 lần cụ thể như sau:

- Ngày 20/3/2024 Ngân hàng giải ngân số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, thu mua củ mì tươi, lãi suất trong hạn là 6,5%/năm, cố định trong thời hạn 6 tháng, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Phương thức trả gốc là khi đến hạn, phương thức trả lãi thì hai bên thỏa thuận là trả hàng tháng cố định vào ngày 21 mỗi tháng. Ông D bà N có thực hiện việc trả lãi định kỳ đến tháng 7/2024 thì ngưng trả lãi.

- Ngày 22/3/2024 giải ngân số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh thu mua củ mì tươi, lãi suất trong hạn là 6,5%/năm, cố định trong thời hạn 6 tháng, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Phương thức trả gốc là khi đến hạn, phương thức trả lãi thì hai bên thỏa thuận là trả hàng tháng cố định vào ngày 23 mỗi tháng. Ông D bà N có thực hiện việc trả lãi định kỳ đến tháng 7/2024 thì ngưng trả lãi.

- Ngày 12/4/2024 giải ngân số tiền 5.500.000.000 đồng, thời hạn 9 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh thu mua củ mì tươi, lãi suất trong hạn là 6,5%/năm, cố định trong thời hạn 6 tháng, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Phương thức trả gốc là khi đến hạn, phương thức trả lãi thì hai bên thỏa thuận là trả hàng tháng cố định vào ngày 13 mỗi tháng. Ông D bà N có thực hiện việc trả lãi định kỳ đến tháng 7/2024 thì ngưng trả lãi.

Hợp đồng tín dụng thứ hai: ngày 28/8/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á với bà Lý Thị Minh N, ông Đặng Văn D ký tiếp hợp đồng tín dụng số LVS.CN.478.260823, theo đó Ngân hàng cho bà N, ông D vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng giải ngân cho

bà N, ông D cụ thể như sau:

- Ngày 28/8/2023 Ngân hàng giải ngân cho bà N, ông D vay số tiền gốc 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 180 tháng, mục đích vay để sửa chữa căn nhà T tại Vinhome G, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn 9%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Phương thức trả gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 29 hàng tháng. Ông D bà N có thực hiện việc trả gốc lãi định kỳ đến tháng 7/2024 thì ngưng.

- Ngày 29/8/2023, Ngân hàng giải ngân cho bà N, ông Duyên số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 180 tháng, mục đích vay để sửa chữa căn nhà T tại Vinhome G, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn 9%/năm cố định trong thời hạn 12 tháng, sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần theo công thức lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + 3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Phương thức trả gốc và lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng. Ông D bà N có thực hiện việc trả gốc lãi định kỳ đến tháng 7/2024 thì ngưng.

Theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, hiện tại số tiền gốc mà bà N, ông D còn nợ là 9.468.120.840 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/8/2025 là 1.650.448.557 đồng.

Ngoài 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với bà N, ông D có ký một hợp đồng phát hành thẻ tín dụng vào ngày 28/6/2023, hạn mức thẻ tín dụng 100.000.000 đồng, tính đến thời điểm hiện tại thì bà N, ông D còn nợ số tiền gốc của thẻ tín dụng là 116.027.495 đồng, tiền lãi là 33.712.832 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, bà N, ông D có thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 104 tờ bản đồ số 09 (số thửa cũ là 21 tờ bản đồ số 14), diện tích 1.435m^2 tọa lạc tại khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh mà bà N, ông D được công nhận bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số hồ sơ gốc là 112.2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 17/7/2001 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LVS.BĐCN.147.050723.

Ngoài ra, vào ngày 28/8/2023, bà Đặng Lý Tiểu D1 là con gái của bà N và ông D có ký với Ngân hàng A bản cam kết đồng ý cùng với bà N và ông D trả nợ cho Ngân hàng các khoản nợ mà bà N, ông D ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành thẻ với ngân hàng phát sinh sau thời điểm bà D1 và Ngân hàng ký cam kết. Bà D1 ký với tư cách cá nhân, không cam kết bằng tài sản với ngân hàng.

Do bà Lý Thị Minh N và ông Đặng Văn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á khởi kiện yêu cầu bà N, ông D và bà D1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 9.584.148.335 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 08/8/2025 là 1.684.161.389 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng đến khi trả hết nợ theo lãi suất mà các bên đã giao kết trong hợp đồng tín dụng.

Nếu trường hợp bà N, ông D, bà D1 không trả được nợ theo yêu cầu của ngân

hàng thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lý Thị Minh N trình bày:

Bà Lý Thị Minh N và ông Đặng Văn D có vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo các hợp đồng tín dụng và có thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 104 tờ bản đồ số 09 (số thửa cũ là 21 tờ bản đồ số 14) như trình bày của đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Hiện tại vợ chồng ông bà còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc là 9.584.148.335 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/8/2025 là 1.684.161.389 đồng. Vợ chồng ông bà đồng ý trả số tiền nợ này cho Ngân hàng theo như yêu cầu khởi kiện. Trường hợp vợ chồng ông bà không trả được nợ thì đồng ý phát mãi các tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất nêu trên để trả nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà D1 là con gái của ông bà cùng có nghĩa vụ liên đới với ông bà trả nợ cho Ngân hàng thì ông bà không đồng ý. Lý do đây là khoản vay tín dụng của hai vợ chồng ông bà, không liên quan đến bà D1, bà D1 không ký vào hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng ông bà với Ngân hàng, số tiền tín dụng mà ông bà vay là để ông bà sử dụng, bà D1 cũng không liên quan. Khoản vay của ông bà cũng có tài sản thế chấp, trường hợp không trả được nợ thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ, không yêu cầu bà D1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông bà theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Lý Tiểu D1 do bà Lý Thị Minh N đại diện trình bày:

Bà N1 là đại diện của bà D1, bà D1 có ý kiến thống nhất với phần trình bày của bà N1 và ông D. Bà D1 thừa nhận có ký vào giấy cam kết vào ngày 28/8/2023, tuy nhiên đây là ký theo yêu cầu của Ngân hàng, bà D1 không ký vào hợp đồng tín dụng, cũng không sử dụng khoản tiền vay nào từ Ngân hàng. Bà D1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà phải liên đới cùng có nghĩa vụ với bị đơn trả nợ cho Ngân hàng.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh đã căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 274, 275, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đối với ông Đặng Văn D, bà Lý Thị Minh N về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc ông Đặng Văn D, bà Lý Thị Minh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền gốc 9.584.148.335 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/8/2025 là 1.684.161.389 đồng, tổng cộng là 11.268.309.724 đồng (mười một tỷ

hai trăm sáu mươi tám triệu ba trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng), trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số LVS.CN.2083.050723 ngày 12/7/2023: nợ gốc 7.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 82.245.480 đồng, nợ lãi quá hạn 1.142.432.877 đồng, phạt chậm trả lãi 13.196.070 đồng, tổng cộng là 8.237.874.427 đồng (tám tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng).

- Hợp đồng tín dụng số LVS.CN.478.260823 ngày 28/8/2023: nợ gốc 2.468.120.840 đồng, nợ lãi trong hạn 55.946.702 đồng, nợ lãi quá hạn 352.511.392 đồng, phạt chậm trả lãi 4.116.036 đồng, tổng cộng là 2.880.694.970 đồng (hai tỷ tám trăm tám mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

- Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng vào ngày 28/6/2023: nợ gốc 116.027.495 đồng, nợ lãi 33.712.832 đồng, tổng cộng là 149.740.327 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bà N, ông D trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại cho bà N, ông D tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.435m^2 thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số hồ sơ gốc là 112.2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 17/7/2001 cho ông Đặng Văn D và bà Lý Thị Minh N đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á về việc yêu cầu bà Đặng Lý Tiểu D1 phải có nghĩa vụ liên đới với bà Lý Thị Minh N, ông Đặng Văn D cùng trả nợ cho ngân hàng.

3. Trường hợp bà N, ông D không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.435m^2 thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số hồ sơ gốc là 112.2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 17/7/2001 cho ông Đặng Văn D và bà Lý Thị Minh N đứng tên.

4. Về chi phí tố tụng: bà N, ông D phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng do Ngân hàng đã tạm ứng trước.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lý Thị Minh N, ông Đặng Văn D phải chịu 119.268.00d đồng (một trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á được nhận lại 59.027.750 đồng (năm mươi chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm

ứng án phí theo biên lai thu số 0004040 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/8/2025 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á làm đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc trách nhiệm trả nợ liên đới của bà Đặng Lý Tiểu D1 cùng với ông D bà N đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á ông Võ Minh T không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, trình bày cho rằng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á khi cho vay, thì có thể sử dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm bảo đảm khả năng thu hồi nợ, bà Đặng Lý Tiểu D1 đã ký cam kết trả nợ cùng ông D và bà N phải có trách nhiệm thực hiện. Việc bà Tiểu D1 ký cam kết trả nợ là tự nguyện, không bị ép buộc. Do ông D và bà N không thanh toán nợ nên bà Tiểu D1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà N và ông D trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, sửa bản án sơ thẩm, buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của bà Đặng Lý Tiểu D1.

Bị đơn bà Lý Thị Minh N, bà N đồng thời đại diện cho ông Đặng Văn D không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, trình bày cho rằng, bà Đặng Lý Tiểu D1 không giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, không sử dụng số tiền, số tiền vay đã được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 104, tờ bản đồ số 09 của bà N ông D. Việc bà Tiểu D1 ký tên vào giấy cam kết trả nợ do phía Ngân hàng lập sẵn giấy và buộc bà D1 ký tên vào mới đồng ý giải ngân. Khi mất khả năng thanh toán, bà N đã đề nghị phía Ngân hàng hỗ trợ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tuy nhiên phía Ngân hàng không hỗ trợ nên bà N ông D chưa có khả năng thanh toán nợ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của Ngân hàng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á thấy rằng:

Ngày 28/8/2023, bà Đặng Lý Tiểu D1 có ký một Giấy cam kết về việc trả nợ với bà Lý Thị Minh N và ông Đặng Văn D. Trong giấy cam kết này, về hình thức không có sự tham gia của đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á là bên cấp tín dụng, bà D1 ký với tư cách cá nhân. Giấy cam kết ngày 28/8/2023 giữa bà D1 với bà N, ông D là văn bản độc lập, không thuộc phạm vi và cũng không phát sinh từ các hợp đồng tín dụng ký ngày 12/7/2023, ngày 28/8/2023 và hợp đồng sử dụng thẻ giữa bà N, ông D với Ngân hàng. Bà D1 không phải là bên vay và không có nghĩa vụ trong bất kỳ hợp đồng tín dụng nào mà bà N, ông D đã ký với Ngân hàng.

Mặt khác, hiện nay bà D1, bà N và ông D không thống nhất thực hiện theo Giấy cam kết ngày 28/8/2023. Do cam kết này không ràng buộc trách nhiệm đối với bên thứ ba là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, nên không có căn cứ để yêu cầu bà D1, bà N và ông D tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo nội dung cam kết nói trên. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á về việc buộc bà Đặng Lý Tiểu D1 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Lý Thị Minh N và ông Đặng Văn D trong việc thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Mặt khác, khoản vay giữa bà N, ông D với Ngân hàng là khoản vay có bảo đảm bằng quyền sử dụng đất diện tích 1.435m^2 do ông D và bà N đứng tên đăng ký nên trường hợp ông D, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì quyền lợi của Ngân hàng vẫn đảm bảo bằng cách xử lý tài sản thế chấp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Lý Tiểu D1 vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà D1.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị Minh N, ông Đặng Văn D liên đới cùng với bà Đặng Lý Tiểu D1 thanh toán số tiền vay cùng tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng số LVS.CN.2083.050723 ngày 12/7/2023; hợp đồng tín dụng số LVS.CN.478.260823 ngày 28/8/2023 và thẻ tín dụng phát hành vào ngày 28/6/2023. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D và bà N liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền vốn gốc 9.584.148.335 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/8/2025 là 1.684.161.389 đồng, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á yêu cầu bà Đặng Lý Tiểu D1 liên đới thanh toán nợ nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á làm đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần trách nhiệm liên đới của bà Đặng Lý Tiểu D1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

[4] Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á yêu cầu bà Đặng Lý Tiểu D1 liên đới thanh toán nợ cùng với ông Đặng Văn D và bà Lý Thị Minh N thấy rằng:

[4.1] Các khoản vay trong vụ án được xác lập trên cơ sở các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á với bà Lý Thị Minh N và ông Đặng Văn D. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay bà N và ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có quyền

khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4.2] Hội đồng xét xử thấy rằng, Giấy cam kết ngày 28/8/2023 là giao dịch dân sự hợp pháp theo quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung cam kết không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đáp ứng đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc bà D1 cho rằng không ký hợp đồng tín dụng, không sử dụng tiền vay không làm mất hiệu lực pháp lý của Giấy cam kết, bởi nghĩa vụ dân sự không chỉ phát sinh từ hợp đồng vay mà còn có thể phát sinh từ cam kết độc lập thực hiện nghĩa vụ cho người khác theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[4.3] Giấy cam kết này được lập trực tiếp gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á là bên có quyền, làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của bà D1 đối với Ngân hàng. Đây là hành vi pháp lý đơn phương có lợi cho bên có quyền, theo quy định tại Điều 116 Bộ luật Dân sự năm 2015 không bắt buộc phải có chữ ký xác nhận của Ngân hàng mới làm phát sinh hiệu lực pháp luật. Việc Ngân hàng tiếp nhận, lưu giữ và sử dụng Giấy cam kết trong quan hệ tín dụng thể hiện sự chấp nhận quyền phát sinh từ cam kết này.

[4.4] Xét về tính chất nghĩa vụ, Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung Giấy cam kết thể hiện bà Đặng Lý Tiểu D1 cùng có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ với bên vay, không có điều khoản giới hạn trách nhiệm hoặc loại trừ trách nhiệm khi bên vay mất khả năng thanh toán. Do đó, có đủ căn cứ xác định nghĩa vụ của bà D1 cùng với bà N và ông D là nghĩa vụ liên đới theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, Ngân hàng có quyền yêu cầu bất kỳ người nào trong số những người có nghĩa vụ liên đới phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

[4.5] Đối với ý kiến cho rằng khoản vay đã được bảo đảm bằng tài sản thế chấp nên không cần thiết buộc bà D1 có trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền của bên nhận bảo đảm, không phải là nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện trước khi yêu cầu các chủ thể có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc khoản vay có tài sản bảo đảm không làm loại trừ quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á yêu cầu bà D1 thực hiện nghĩa vụ liên đới theo cam kết đã ký.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà Đặng Lý Tiểu D1 chịu trách nhiệm liên đới trả nợ là chưa đánh giá đầy đủ giá trị pháp lý của Giấy cam kết ngày 28/8/2023, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á. Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Đặng Lý Tiểu D1 liên đới cùng bà Lý Thị Minh N và ông Đặng Văn D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á1 là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Các khoản khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: do buộc trách nhiệm liên đới của bà Đặng Lý Tiểu D1 trả nợ nên bà D1 cũng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 116, 117, 288, 299, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đối với ông Đặng Văn D, bà Lý Thị Minh N và bà Đặng Lý Tiểu D1 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc ông Đặng Văn D, bà Lý Thị Minh N, bà Đặng Lý Tiểu D1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền gốc 9.584.148.335 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/8/2025 là 1.684.161.389 đồng, tổng cộng là 11.268.309.724 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bà N, ông D trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại cho bà N, ông D tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.435m^2 thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số hồ sơ gốc là 112.2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 17/7/2001 cho ông Đặng Văn D và bà Lý Thị Minh N đứng tên.

2. Trường hợp ông Đặng Văn D, bà Lý Thị Minh N và bà Đặng Lý Tiểu D1 không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có quyền yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 1.435m^2 thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại khu phố F, phường T, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số hồ sơ gốc là 112.2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 17/7/2001 cho ông Đặng Văn D và bà Lý Thị Minh N đứng tên.

3. Về chi phí tố tụng: ông Đặng Văn D, bà Lý Thị Minh N phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền này Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đã nộp tạm ứng, bà N và ông D phải nộp lại để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lý Thị Minh N, ông Đặng Văn D, bà Đặng Lý Tiểu D1 phải liên đới chịu 119.268.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á 59.027.750 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004040 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Tây Ninh) và 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai số 0003874 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND KV 10-TN;
- Phòng THADS tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga